TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh;

Ông Trần Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 2001 (xin xét xử vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 10C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Quốc N, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 5 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn chị Nguyễn Minh T trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên chị Nguyễn Minh T và anh Bùi Quốc N kết hôn với nhau từ năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 3 năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi, đồng thời anh N không chăm lo cho gia đình, vợ con mà suốt ngày đi ăn chơi với bạn bè, chị T có khuyên nhưng anh N không nghe, không sữa đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, hôn nhân không còn hành phúc, đời sống chung không thể duy trì nên chị T yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 01 người con tên Bùi Quốc Kh, sinh ngày 06/01/2018 (nam), hiện đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Bùi Quốc N:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh N không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị T. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh N không tham gia nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Minh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn anh Bùi Quốc N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh N là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Minh T và anh Bùi Quốc N có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên kết hôn với nhau từ năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32 ngày 11 tháng 4 năm 2019. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị T và anh N được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, chị T xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi, đồng thời anh N không chăm lo cho gia đình, vợ con mà suốt ngày đi ăn chơi với bạn bè, chị T có khuyên nhưng anh N không nghe, không sữa đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị T và anh N không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, anh N đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh N vẫn vắng mặt, từ đó cho thấy anh N không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Chị T được ly hôn với anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Bùi Quốc Kh, sinh ngày 06/01/2018 (nam), hiện đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con. Xét thấy, từ khi chị T và anh N sống ly thân cho đến nay thì cháu Kh vẫn sống chung với chị T, cuộc sống của cháu đã được ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con tên Bùi Quốc Kh, sinh ngày 06/01/2018 (nam) cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên chị T phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Minh T. Chị Nguyễn Minh T được ly hôn với anh Bùi Quốc N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Minh T nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Bùi Quốc Kh, sinh ngày 06/01/2018 (nam).

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, chị T phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, chị T có nộp tạm ứng án

phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003752 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Lộc, H. Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo